

Bản án số: 537/2020/DS-PT

Ngày 20- 10- 2020

V/v “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản
thừa kế theo pháp luật*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 631/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1035/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hàng Quỳnh A, sinh năm 1931 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

- Đại diện theo ủy quyền của bà Hàng Quỳnh A: Ông Trần Trọng H2, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

- Bị đơn: Ông Hàng Phương T, sinh năm 1950 (vắng mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của ông Hàng Phương T: Ông Hàng Lục Q, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/. Bà Hàng Thu K (Không rõ năm sinh, nơi cư trú, vắng mặt);
- 2/. Bà Hàng Thu H4, sinh năm 1958
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- Đại diện theo ủy quyền của bà Hàng Thu H4: Ông Hàng Lục Q, sinh năm 1974 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận;
- 3/. Bà Hàng Mai H5
Địa chỉ: Hẻm 7/2 đường V, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
- 4/. Bà Hàng Thu T4
Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
- 5/. Ông Hàng Minh L (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- 6/. Bà Hàng Thị D1, sinh năm 1966 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 18/01/02, Khu phố 3, phường P, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
- 7/. Bà Hàng Thị B (vắng mặt).
- 8/. Ông Hàng Vĩnh Q (vắng mặt).
- 9/. Ông Hàng Xuân V (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn P2, xã V, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.
- 10/. Bà Ngô Thị Ngọc D2, sinh năm 1971 (vắng mặt).
- 11/. Bà Ngô Thị Ngọc L2, sinh năm 1973 (vắng mặt).
- 12/. Ông Ngô Thành H3, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khu phố 04, phường P, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- Đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Ngọc D2, bà Ngô Thị Ngọc L2, ông Ngô Thành H3: Ông Trần Trọng H2, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;
- 13/. Ông Phan Thành L1, sinh năm 1961 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- 14/. Bà Hàng Thị C2, sinh năm 1931 Địa chỉ: 7323 SETON LAKE HOUSTON, T.X 77086 USA (vắng mặt).
- 15/. Trần Thị H1 (vắng mặt).
Địa chỉ: Xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.
- 16/. Bà Trần D, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần D: Ông Hàng Lục Q, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

17/. Ông Hàng Lục Q, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

4. người kháng cáo: nguyên đơn là bà Hàng Quỳnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hàng Quỳnh A ủy quyền cho ông Trần Trọng H2 tham gia tố tụng trình bày:

Bà Hàng Quỳnh A là con đẻ của vợ chồng ông Hàng Vạn P bà Ngô Thị C. ông P chết khoảng năm 1947, bà C chết năm 1984 đều không để lại di chúc. Cha mẹ đẻ của ông P bà C chết trước ông P bà C. Bà A không biết vợ chồng ông P bà C có con riêng, con nuôi hay không. Vợ chồng ông P bà C có 06 người con đẻ, cụ thể:

- Bà Hàng Thị C2, sinh khoảng năm 1920, hiện nay bà C2 đang sống tại Hoa Kỳ.

- Ông Hàng Khởi N, sinh năm 1923, chết ngày 20/8/2008 không biết có để lại di chúc hay không. Ông N có 10 người con đẻ là bà Trần Thị H1, bà Hàng Thu H4, bà Hàng Mai H5, bà Hàng Thu T4, ông Hàng Minh L, bà Hàng Thị D1, bà Hàng Thị B, Hàng Vĩnh Q, Hàng Xuân V và bà Hàng Thu K. Bà H4 đã định cư ở nước ngoài hơn 20 năm, không biết địa chỉ cụ thể của bà Hà;

- Bà Hàng Phụng M, sinh năm 1927, chết năm 1991 không để lại di chúc. Chồng bà Hàng Phụng M tên Phan Thành P3 (chết năm 2014). Bà M có 01 người con đẻ là Phan Thành L1.

- Bà Hàng Thị K1, sinh năm 1939, chết năm 2016, không biết có để lại di chúc hay không, không biết chồng bà K1 tên gì nhưng đã chết sau bà K1. Bà K1 có 03 người con đẻ là bà Ngô Thị Ngọc D1, bà Ngô Thị Ngọc L2, ông Ngô Thành H3.

- Bà Hàng Quỳnh A, sinh năm 1931;

- Ông Hàng Phương T, sinh năm 1950;

Khi chết vợ chồng ông P bà C để lại các tài sản gồm:

- Thửa đất số 217, tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Trên thửa đất này trước đây có 01 căn nhà của vợ chồng ông Phòng bà C xây dựng, hiện nay đã bị hư hỏng và tháo dỡ toàn bộ.

- Thửa đất số 251, tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trên đất hiện còn một phần căn nhà của vợ chồng ông P bà C xây dựng.

- Thửa đất số 121, tờ Bản đồ số 30 xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận có nguồn gốc là của bà C nhận thối công của ông Nguyễn L và thuê ông Lê Đình C1 khai phá thêm từ năm 1970. Thửa đất này có vị trí tứ cận: Đông giáp đường lộ; Tây giáp đất ông T5; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Thu là con của ông Nguyễn L, ông L đã chết; Bắc giáp đất ông T5.

Sau khi ông P chết, bà C trực tiếp quản lý các Thửa đất số 217, Thửa đất số 251 tờ Bản đồ số 30b xã X. Riêng Thửa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X, bà C và ông Hàng Phương T cùng quản lý, sử dụng đất. bà C đã làm chuồng gia súc, nuôi bò, dê trên thửa đất này.

Sau khi bà C chết, toàn bộ các thửa đất và tài sản trên đất nói trên do ông Hàng Phương T đang quản lý, sử dụng cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện, bà Hàng Quỳnh A yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông Hàng Vạn P bà Ngô Thị C chết để lại là Thửa đất số 217, Thửa đất số 251 cùng tờ Bản đồ số 30b xã X, Thửa đất số 121, tờ Bản đồ số 30 xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tại phiên hòa giải ngày 15/6/2018, phiên hòa giải ngày 30/7/2018, bà Hàng Quỳnh A ủy quyền cho ông Trần Trọng H2 tham gia tố tụng rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 217, tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 251 tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trên đất còn một phần căn nhà của vợ chồng ông P bà C xây dựng.

Nay bà Hàng Quỳnh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận Thửa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X là di sản thừa kế của bà Ngô Thị C chết để lại.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Phần Bà A được nhận, Bà A xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Về chi phí ủy thác tư pháp, định giá tài sản, án phí bà Hàng Quỳnh A yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Hàng Phương T ủy quyền cho ông Hàng Lục Q tham gia tố tụng trình bày:

ông T đồng ý với một phần nội dung trình bày của Nguyên đơn bà Hàng Quỳnh A về họ tên cha mẹ, các anh chị em, các cháu. ông T trình bày bổ sung như sau:

- Ông Hàng Khởi N có 02 người con riêng tên Trần Thị H, hiện đang sống tại thôn R, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận, một người tên Tài không biết họ, năm sinh. ông T3 đã chết vào khoảng năm 2009. Vợ ông T3 tên P1. ông T3 có 02 người con đẻ hiện đang sống tại thành phố Đ1, tỉnh Lâm Đồng, không biết họ, địa chỉ cụ thể của vợ con ông T3, vì sau khi ông T3 chết, ông T không liên lạc với vợ con ông T3 nữa.

Khi chết vợ chồng ông P bà C để lại các tài sản gồm:

- Thửa đất số 217, tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Trên thửa đất này trước đây có 01 căn nhà do vợ chồng ông Phòng bà Ctạo lập nhưng đã bị hư hỏng nên đã tháo dỡ hoàn toàn.

- Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trên đất hiện còn một phần căn nhà do vợ chồng ông P bà C tạo lập.

ông T đồng ý với việc bà Hàng Quỳnh A rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 217, tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 251 tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trên đất còn một phần căn nhà của vợ chồng ông P bà C xây dựng.

ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, vì thửa đất này là của vợ chồng ông T bà D nhận chuyển nhượng của ông Lê Đình C1 và khai phá thêm, không phải di sản của bà Ngô Thị C để lại.

- Về chi phí định giá tài sản, ủy thác tư pháp, án phí dân sự sơ thẩm ông Hàng Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thành H3, bà Ngô Thị Ngọc L2, bà Ngô Thị Ngọc D2 ủy quyền cho ông Trần Trọng H2 tham gia tố tụng trình bày:

Ông Ngô Thành H3, bà Ngô Thị Ngọc L2, bà Ngô Thị Ngọc D1 là con đẻ của bà Hàng Thị Kiều. Bà Kiều chết năm 2016. Bà Kiều là con đẻ của vợ chồng ông Hàng Vạn P bà Ngô Thị C. Ông Hiệp, bà Lan, bà D2 đồng ý với nội dung

trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A về hàng thừa kế, di sản thừa kế của vợ chồng ông Hàng Vạn P bà Ngô Thị C để lại.

Phần ông Hiệp, bà Lan, bà D1 được nhận thừa kế, ông Hiệp, bà Lan, bà D1 xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thành L1 trình bày:

Ông là con đẻ của bà Hàng Phụng M. Bà M chết năm 1991 không để lại di chúc. Bà M là con đẻ của vợ chồng ông Hàng Vạn P bà Ngô Thị C. Ông đồng ý với nội dung trình bày của ông Hàng Phương T ủy quyền cho ông Hàng Lục Q tham gia tố tụng trình bày về những người thừa kế theo pháp luật của vợ chồng ông P bà C.

Khi còn sống, vợ chồng ông P bà C tạo lập được 02 ngôi nhà gắn liền đất, hiện tọa lạc tại thôn An Xuân 01, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Khi ông P chết, 02 ngôi nhà và đất gắn liền này do bà C quản lý. Sau khi bà C chết, ông Hàng Phương T quản lý, sử dụng cho đến nay.

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông P bà C để lại. Ông đề nghị Tòa án giao toàn bộ di sản thừa kế và vật dụng thờ cúng của vợ chồng ông P bà C để lại cho ông Hàng Phương T quản lý, sử dụng.

- Tại Bản trình bày ý kiến cho phần thừa kế và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/3/2018, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàng Thu H4 trình bày:

Diện tích 352 m² đất nông nghiệp bà Hàng Quỳnh A khởi kiện là do ông Hàng Phương T quản lý, sử dụng liên tục để trồng hoa màu, chuối, mía và hoa bán tết. Hiện nay trên đất có quán cà phê, vật kiến trúc, cây lâu năm của vợ chồng ông T bà D mua lại của ông Lê Đình C1 (là cha đẻ của bà Lê Thị Lan) và thuê mướn công khai phá thêm, không phải là tài sản của bà Ngô Thị C tạo lập.

Từ năm 1974, bà Ngô Thị C đã lớn tuổi (74 tuổi), mất sức lao động và bệnh tật, ông T và bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà C nên việc bà Hàng Quỳnh A khởi kiện cho rằng 352 m² đất nông nghiệp là của bà C tạo lập là không đúng sự thật.

Trường hợp bà được nhận thừa kế theo pháp luật của ông P bà C, bà đồng ý tặng cho ông Hàng Phương T sở hữu toàn bộ.

Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm và Tòa án phúc thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2010 (BL 384), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàng Thị D1 trình bày:

Cha bà tên Hàng Khởi N. Ông N có 03 người vợ, người thứ nhất là tên Nguyễn Thị V, người vợ thứ hai tên Phan Phụng Q1, người vợ thứ ba tên gì bà không biết.

Ông N bà V sinh được 04 người con đẻ là Hàng Thị D1, Hàng Thị B, Hàng Vĩnh Q, Hàng Xuân V.

Ông N và người vợ thứ ba có 01 người con chung, nhưng bà không biết họ tên, địa chỉ.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2010 (BL 383), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàng Thu T4 trình bày:

Cha bà tên Hàng Khởi N. Ông N có 03 người vợ, người thứ nhất là tên Nguyễn Thị V, người vợ thứ hai tên Phan Phụng Q1, người vợ thứ ba tên gì bà không biết.

Ông N bà Q1 sinh được 05 người con chung là Hàng Thu H4, Hàng Mai H5, Hàng Thu T2, Hàng Minh L và bà Hàng Thu K. Bà Hà đã đi định cư ở Thụy Điển, bà không biết địa chỉ cụ thể.

Ông N và bà V có 04 người con chung là Hàng Thị D1, Hàng Thị B, Hàng Xuân V và Hàng Vĩnh Q.

Ông N và người vợ thứ ba có 01 người con, nhưng bà không biết họ tên, địa chỉ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2010 (BL 381), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàng Mai H5 trình bày:

Cha bà tên Hàng Khởi N, Ông N chết năm 2008 không để lại di chúc.

Bà biết bà Hàng Thu K hiện đang sống ở nước ngoài nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể.

Ông N và người vợ thứ 3 có 01 người con tên là Tài, bà không biết họ tên, địa chỉ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Bị đơn, bà Trần D ủy quyền cho ông Hàng Lục Q trình bày:

Bà Trần D là vợ của ông Hàng Phương T.

bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A, vì Thừa đất số 121 tờ bản đồ số 30 xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là của vợ chồng ông T bà D nhận chuyển nhượng của ông Lê Đình C1 và khai phá thêm, không phải là di sản của bà Ngô Thị C để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàng Lục Q trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Hàng Phương T bà Trần D. Hiện nay ông đang quản lý quán cà phê xây dựng trên Thừa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X,

huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình quản lý, sử dụng đất, vợ chồng ông T bà D và ông đã đổ đất nâng nền, xây dựng vật kiến trúc, cây lâu năm trên đất.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A, vì Thừa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X là của vợ chồng ông T bà D nhận chuyển nhượng của ông Lê Đình C1 và khai phá thêm, không phải là di sản của bà Ngô Thị C để lại.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàng Thị C2, bà Hàng Thị B, ông Hàng Xuân V và ông Hàng Vĩnh Q, ông Hàng Minh L đã được Tòa án ủy thác tư pháp tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến nên không có nội dung lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A có nộiD1:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với Thừa đất số 217, tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với Thừa đất số 251 tờ Bản đồ số 30b xã X, hiện tọa lạc tại Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trên đất còn một phần căn nhà của vợ chồng ông P bà C xây dựng.

- Bà Hàng Quỳnh A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định pháp luật.

- Áp dụng: Các Điều 636, 637, 638, 677, 678, 679, 680 Bộ luật dân sự 1995; Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; Các 37, 38, 153, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Các Điều 12, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A có nộiD1:

- Công nhận Thừa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là di sản thừa kế của bà Ngô Thị C để lại;

- Chia theo pháp luật di sản thừa kế của bà Ngô Thị C là Thừa đất số 121 tờ Bản đồ số 30 xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản, chi phí ủy thác tư pháp và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 01/10/2018, nguyên đơn là bà Hàng Quỳnh A kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Hàng Quỳnh A có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Trọng H2 trình bày trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Quỳnh A mà không xem xét đến điều kiện rút đơn khởi kiện, cụ thể là: ông T không được quyền bán, tặng cho, trao đổi, thế chấp, cầm cố thửa đất số 251 và 217, tờ bản đồ số 30b, thôn An Xuân 1, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ngoài ra, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là thửa đất số 121 của nguyên đơn là không xem xét toàn diện chứng cứ của vụ án. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hàng Phương T có người đại diện theo ủy quyền là ông Hàng Lục Q trình bày:

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Hàng Quỳnh A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật hai thửa đất số 217 và 251, tờ bản đồ số 30b, thôn A 1, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận:

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại các phiên hòa giải ngày 15/6/2018, ngày 30/7/2018, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Trọng H2 là đại diện theo ủy quyền của bà Hàng Quỳnh A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 217 và số 251. Việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện và là ý chí của phía nguyên đơn, cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ và đúng quy định. Cấp sơ thẩm cũng đã dành quyền khởi kiện lại cho bà Hàng Quỳnh A khi có yêu cầu. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu phải hủy phần quyết định đình chỉ này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu công nhận thừa đất số 121, tờ bản đồ số 30, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là di sản của bà Ngô Thị C và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 121:

Nguyên đơn bà Hàng Quỳnh A trình bày thửa đất số 121 có diện tích trên 350 m² có nguồn gốc của bà Ngô Thị C nhận thời công của ông Nguyễn L và thuê ông Lê Đình C1 khai phá thêm từ năm 1970.

Bị đơn ông Hàng Phương T không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, theo ông T thì thửa đất số 121 có nguồn gốc do ông T cùng vợ là bà Trần D nhận chuyển nhượng của ông Lê Đình C1 và khai phá thêm, không phải di sản của bà Ngô Thị C để lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại “Giấy sang nhượng đất và xác nhận” ngày 16/12/1980 của ông Lê Đình C1 có nội dung: “Ông Lê Đình C1 có khai hoang 100 m² đất tại làng A, mặt trước hướng Đông là hương lộ đường làng đường ra P3; Tây và Bắc cận ông Trương Văn T5; Nam cận ông Nguyễn L. Vì túng thiếu nên ông C1 nhượng lại 100 m² đất này cho bà Trần D cùng với 220 m² do bà Trần D nhờ ông C1 khai hoang thêm, tổng cộng là 320 m². Tiền chuyển nhượng là 340 đồng”.

Theo Kết luận giám định số 48/KLGD ngày 30/9/2009 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Ninh Thuận thì hai điểm chỉ vân tay in dưới mục người sang nhượng trên “Giấy sang nhượng đất và xác nhận” lập ngày 16/12/80 là của ông Lê Đình C1.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H6 và bà Lê Thị C3 là vợ con của ông C1 cũng có lời trình bày xác định: thửa đất số 121 do ông C1 khai hoang từ năm 1975. Trước năm 1975, thửa đất trên là lò rèn của ông T5, sau đó, ông T5 bỏ hoang đất

không canh tác. Sau năm 1975, ông C1 đến khai hoang được khoảng 100 m² đất và đổi cho ông T. Được một thời gian ông T bỏ hoang đất nên ông C1 tiếp tục khai phá lại thửa đất này. Sau đó ông T thương lượng với vợ chồng ông C1, bà H6 để chuyển nhượng thửa đất này. Bà H6, bà C3 khẳng định bà Hòa, ông C1 chỉ nhận thối công của ông T, không nhận thối công của bà C.

Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thửa đất số 121 là do bà C đã nhận thối công của ông Nguyễn L và thuê ông C1 khai phá thêm từ năm 1970. Cấp sơ thẩm không công nhận thửa đất số 121 là tài sản của bà C đồng thời không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 121 của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ của hồ sơ vụ án. Từ đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Nguyên đơn không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, 38, 153, 157, 165; điểm c, khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 636, 637, 638, 677, 678, 679, 680 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hàng Quỳnh A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A về việc:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 217, tờ bản đồ số 30b, tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 251, tờ bản đồ số 30b, tọa lạc tại Thôn A, xã X huyện N, tỉnh Ninh Thuận; trên đất còn một phần căn nhà của vợ chồng ông P bà C xây dựng.

- Bà Hàng Quỳnh A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Quỳnh A về việc:

- Công nhận thừa đất số 121, tờ bản đồ số 30, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là di sản thừa kế của bà Ngô Thị C;

- Chia theo pháp luật di sản thừa kế của bà Ngô Thị C là thừa đất số 121, tờ bản đồ số 30, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Hàng Quỳnh A.

- Về chi phí định giá tài sản: Bà Hàng Quỳnh A phải chịu 4.705.963 đồng chi phí định giá tài sản. Bà Hàng Quỳnh A phải hoàn trả lại cho ông Hàng Phương T (do ông Hàng Lục Q nộp thay) 4.705.963 đồng chi phí định giá tài sản này.

- Về chi phí ủy thác tư pháp: Bà Hàng Quỳnh A phải chịu 7.750.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp. Bà Hàng Quỳnh A đã nộp đủ 7.750.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh